

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND XÃ THUẬN CHÂU

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Thuận Châu)

CẤP XÃ: 35 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. MÔI TRƯỜNG: 01 TTHC						
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường Mã số 1.010736	- Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ và hợp lệ hồ sơ: Không quy định; - Thời hạn xử lý, trả kết quả: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; + Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (nếu có) hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

						Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
II. ĐẤT ĐAI: 15 TTHC						
1	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 Mã TTHC: 1.012817	- Không quá 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện - Được tăng thêm 10 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định

					- Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót Mã TTHC: 1.012796	Không quá 07 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính	- Tổ chức: Lệ phí địa chính: Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính

		khẩn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc		công ích	30.000 đồng/lần. - Cá nhân: Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	--	----------	---	--

3	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi Mã TTHC: 1.012791	- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp, thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận sau thu hồi: Không quá 18 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. - Thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận sau thu hồi không quá	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch
---	---	--	---	--	---------------	--

		17 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc				vụ công quốc gia; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất. Mã TTHC: 1.012753	- Không quá 15 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000m ² : 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - dưới 5000 m ² : 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000m ² - dưới 10.000m ² : 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền

		hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc		tích từ 10.000m² - dưới 100.000m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	--	--	---

5	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	15 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành
---	--	---	--	--	--	--

					+ Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất Mã TTHC: 1.012776	15 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị), 150.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch

					đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố.	vụ công quốc gia; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất - 15 ngày làm việc đối với trường hợp điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền

		- Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.				địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính

	đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa Mã TTHC: 1.012778	thì thời gian thực hiện là 25 ngày làm việc.		nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố.	phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	---	---	--	--	--

9	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà	- 35 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện là 45 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi
---	---	--	--	--	---	---

	nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng				- Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	trường về công bộ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	---	--	--	--	--	---

	chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở Mã TTHC: 1.012780					
10	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu. - 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu. - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính

		hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu. - 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu. - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế -	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

		xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có	UBND xã nơi có đất Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật

	đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận. Mã TTHC: 1.012816	điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.				số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành
--	--	---	--	--	--	--

						chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích Mã TTHC: 1.012810	11 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại

					liên với đất): 25.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã Mã TTHC: 1.012811	- 40 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện là 50 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện

						thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã Mã TTHC: 1.012812	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Quyết định số 2304/QĐ-

						UBND ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
III. THUỶ LỢI: 07 TTHC						
1	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp Mã TTHC: 2.001627	20ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi s 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT- BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của

						Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003471	10ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Khoản 3, Điều 17, Nghị định số 131/2025/ND-CP ngày 12/6/2025.
3	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003347	30ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025

4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) Mã TTHC: 2.001621	05ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của	15ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

	UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003446					
6	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003440	15ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
7	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	20ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
IV. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI: 02 TTHC						
	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng		Bộ phận tiếp	Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử		- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều

1	xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Mã số TTHC: 1.010091	11 ngày	nhận và trả tại UBND cấp xã	hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	ngày 17//2020; - Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; - Khoản 4, 5 Điều 19 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 4 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai; - Quyết định số 2302/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng
---	---	---------	-----------------------------	---	-------	--

						quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội. Mã số TTHC: 1.010092	14 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả tại UBND cấp xã	Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17//2020; - Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; - Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 4 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai; - Quyết định số 2302/QĐ-

						BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
V. KIỂM LAM - LAM NGHIỆP: 03 TTHC						
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân Mã TTHC: 1.012694	09 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 5 Thông tư số 16/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá	11 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Phòng	Tiếp nhận trực tiếp, trực	Không	Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

	nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái: Mã TTHC: 3.000250		chức năng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		
--	---	--	---	--	--	--

3	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công: Mã TTHC: 1.007919	09 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Phòng chức năng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 9 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
VI. THUY SAN: 03 TTHC						

1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) Số hồ sơ TTHC: 1.003956	Công khai phương án: 02 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>). - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành QĐ công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng: 40 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích	Không	Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP
		- Đối với TH thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>). - Đối với TH sửa	Bộ phận một cửa			

2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) Số hồ sơ TTHC: 1.004498	đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: Công khai phương án: 02 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>); Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành QĐ công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng: 40 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp</i>	tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích	Không	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP
---	--	---	---	--	--------------	---

		<i>lệ)</i>				
3	Công bố mở cảng cá loại III Số hồ sơ TTHC: 1.004478	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ khi nhận	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích	Không	Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP
VII. KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PTNT: 01 TTHC						
1	Hỗ trợ liên kết sản xuất (cấp xã) Mã TTHC: 1.003434	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
VIII. TRỒNG TRỌT và BAO VỆ THỰC VẬT: 01 TTHC						
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	04 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ	Không	Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐCP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa

	Mã TTHC: 1.008004		UBND cấp xã	bưu chính công ích		
IX. TẠI NGUYÊN NƯỚC: 01 TTHC						
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất Mã TTHC: 1.001662	8 ngày	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	Điều 23 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 6 Thông tư số 14/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025.
X. CÔNG TÁC GIÀM NGHÈO						
1	Công nhận hộ nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm Mã TTHC: 1.011606	105 ngày	Ủy ban nhân dân cấp xã			Quyết định số 24/2021/QĐ- TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT- BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động -

						Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	--	--	--	--